

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa
giai đoạn 2026 – 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm /2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 8530 /TTr-SNV ngày 28/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Giao Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Chương trình được ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thi hành);
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh; các đoàn thể cấp tỉnh;
- Báo và PT-TH KH;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm Công báo & Cổng TTĐT;
- Công TTĐT CCHC tỉnh;
- Lưu: VT, HL, QTr.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Hà



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH KHÁNH HÒA GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3238 /QĐ-UBND ngày 10 /9 /2026
của UBND tỉnh Khánh Hòa)

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng nền hành chính tỉnh Khánh Hòa dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch và phục vụ; triển khai đồng bộ, thực chất 06 nội dung cải cách hành chính, lấy người dân, tổ chức, doanh nghiệp làm trung tâm, lấy sự hài lòng và hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước làm thước đo chất lượng phục vụ.

- Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, thủ tục hành chính, tổ chức thực hiện và dữ liệu; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, chuyển đổi số và quản trị dựa trên dữ liệu; nâng cao kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm người đứng đầu, chất lượng quản trị, điều hành và năng lực cạnh tranh, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng bền vững “2 con số” giai đoạn 2026 - 2030 và xây dựng Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

- Phấn đấu đến năm 2030, Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Khánh Hòa thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu cả nước; đồng thời duy trì, cải thiện bền vững các chỉ số phản ánh chất lượng quản trị, phục vụ người dân, doanh nghiệp, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo.

2. Một số mục tiêu, chỉ tiêu

a) Giai đoạn 2026 - 2027

- Hoàn thiện hệ thống thể chế về tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền của tỉnh, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, khả thi, tạo cơ sở để chính quyền địa phương 02 cấp hoạt động thông suốt, liên tục, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

- Hoàn thiện thể chế, chính sách về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm kịp thời, đồng bộ, đúng chủ trương, quy định của Trung ương và phù hợp điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Hoàn thành các nhiệm vụ sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị sự nghiệp công lập, trường học, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo chủ trương, quy định và tiến độ của cấp có thẩm quyền. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế vận hành chính quyền địa phương 02 cấp thông suốt, hiệu quả.

- Phối hợp triển khai 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo danh mục và lộ trình của cơ quan có thẩm quyền; tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%; tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt tối thiểu 95%.

- Đạt cấp độ 3 về mức độ trưởng thành quản trị dữ liệu; 100% nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số được triển khai, đưa vào sử dụng thống nhất từ Trung ương đến địa phương theo đúng lộ trình, kế hoạch.

b) Giai đoạn 2028 - 2030

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng, số lượng và cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu quản trị hiện đại.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%, trong đó, mức độ hài lòng đối với các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 90%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt tối thiểu 80%.

- Đạt cấp độ 4 về mức độ trưởng thành quản trị dữ liệu; 100% cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh thực hiện cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn theo quy định.

- Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS) đạt tối thiểu 95%; mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%.

- Phân đầu Chỉ số PAR Index và Chỉ số PCI của tỉnh thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu cả nước; tiếp tục cải thiện bền vững các Chỉ số SIPAS, PAPI, DTI, PII theo phạm vi, phương pháp và kỳ đánh giá của cơ quan có thẩm quyền.

3. Yêu cầu

- Xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, xuyên suốt trong chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị, địa phương; gắn chặt với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị địa phương và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

- Tổ chức triển khai đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên các nhiệm vụ tác động trực tiếp đến người dân, tổ chức, doanh nghiệp, có khả năng tạo chuyển biến thực chất và đo lường được kết quả.

- Chuyển mạnh từ tư duy quản lý sang phục vụ; đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, số hóa, kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu; bảo đảm người dân, tổ chức, doanh nghiệp không phải cung cấp lại thông tin, giấy tờ mà cơ quan nhà nước đã có hoặc có thể khai thác hợp pháp từ các cơ sở dữ liệu.

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính; lấy kết quả, hiệu quả cải cách hành chính làm một trong những căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thi đua, khen thưởng và thực hiện công tác cán bộ theo quy định.

- Bảo đảm phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chủ trì 06 nội dung cải cách hành chính, giữa cấp tỉnh với cấp xã và giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá dựa trên dữ liệu và kết quả thực chất.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026-2030 tập trung vào 6 nội dung, gồm: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công; Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này để cụ thể hóa trong kế hoạch hằng năm, bảo đảm rõ nhiệm vụ, tiến độ, sản phẩm, trách nhiệm và hiệu quả thực hiện.

1. Cải cách thể chế

Trọng tâm là nâng cao chất lượng xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật; bảo đảm hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của tỉnh đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, phù hợp thực tiễn; kịp thời tháo gỡ các rào cản, điểm nghẽn về cơ chế, chính sách, tạo môi trường pháp lý thuận lợi, an toàn, chi phí tuân thủ thấp, góp phần huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

a) Thường xuyên rà soát, đánh giá các quy định, cơ chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý; kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, bất cập, không còn phù hợp, nhất là những vấn đề tác động trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp, môi trường đầu tư, kinh doanh và quá trình vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

b) Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; chú trọng chất lượng đánh giá tác động chính sách, lấy ý kiến đối tượng chịu tác động, thẩm định, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản; bảo đảm các cơ chế, chính sách được ban hành đúng thẩm quyền, đồng bộ, khả thi và đáp ứng yêu cầu quản lý, phát triển của tỉnh.

c) Đổi mới, nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thực thi pháp luật; tăng cường theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thi hành pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý hoặc kiến nghị xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

d) Tăng cường đối thoại, tham vấn, tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức, doanh nghiệp và địa phương về cơ chế, chính sách, quy định pháp luật; nâng cao tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và khả năng phản ứng chính sách của cơ quan hành chính nhà nước.

đ) Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh theo hướng kiến tạo phát triển, khuyến khích đổi mới sáng tạo, giải phóng nguồn lực; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân.

e) Chủ động nghiên cứu, đề xuất và triển khai các cơ chế, chính sách phục vụ các ngành, lĩnh vực ưu tiên, động lực tăng trưởng và định hướng phát triển của tỉnh; bảo đảm phù hợp với quy định của Trung ương, điều kiện thực tiễn và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn 2026-2030.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Trọng tâm cải cách thủ tục hành chính là cắt giảm, đơn giản hóa thực chất quy định, thành phần hồ sơ và quy trình; đổi mới toàn diện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, cắt giảm thời gian, chi phí tuân thủ và số lần đi lại của người dân, doanh nghiệp.

a) Kiểm soát chặt chẽ quy định thủ tục hành chính ngay từ khâu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm thủ tục hành chính mới được ban hành thật sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp, chi phí tuân thủ thấp, dễ hiểu và dễ thực hiện.

b) Rà soát, đề xuất hoặc thực hiện theo thẩm quyền phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính nội bộ; kịp thời sửa đổi, bổ sung văn bản để thực thi các phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tập trung cắt giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ mà thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc có thể khai thác, xác thực bằng phương thức điện tử; thực hiện nguyên tắc “một lần khai báo, nhiều lần sử dụng”.

d) Chuẩn hóa, tái cấu trúc và số hóa toàn bộ quy trình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thủ tục hành chính; cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu hồ sơ và kết quả giải quyết; đẩy mạnh cấp kết quả điện tử, ký số và lưu trữ điện tử theo quy định.

đ) Phối hợp triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo danh mục, lộ trình và hệ thống tập trung do cơ quan có thẩm quyền cung cấp; nâng cao chất lượng trải nghiệm, khả năng tiếp cận và hỗ trợ người sử dụng; mở rộng tiện ích thanh toán điện tử; tăng tỷ lệ thanh toán trực tuyến và tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính.

e) Tổ chức tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính đối với các thủ tục đủ điều kiện theo quy định, phù hợp với chức năng của các hệ thống thông tin tập trung; nâng cao hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, bảo đảm công khai, minh bạch và thuận tiện.

g) Tăng cường kiểm tra trách nhiệm thực thi công vụ trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kịp thời xử lý nguy cơ phát sinh hồ sơ trễ hạn, quá hạn trên các hệ thống được giao khai thác; xử lý nghiêm hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm.

h) Thường xuyên đo lường, phân tích mức độ hài lòng và phản hồi của người dân, doanh nghiệp; xác định rõ nguyên nhân của các chỉ số, tiêu chí còn thấp để xây dựng giải pháp khắc phục, cải tiến chất lượng phục vụ.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Trọng tâm là tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; nâng cao hiệu quả phân cấp, phân quyền và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

a) Rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định và hướng dẫn của Trung ương; khắc phục chồng chéo, bỏ sót nhiệm vụ hoặc trung gian không cần thiết.

b) Tiếp tục sắp xếp tinh gọn các đầu mối tổ chức bên trong; thực hiện sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, trường học, cơ sở y tế và doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo chủ trương và tiến độ của cấp có thẩm quyền.

c) Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị hoàn thiện các quy định để giải quyết triệt để vướng mắc phát sinh, bảo đảm mô hình chính quyền địa phương 02 cấp vận hành thông suốt, hiệu quả, nhất là trong các lĩnh vực tài chính – ngân sách, đất đai, quy hoạch, tổ chức bộ máy, cán bộ, chuyển đổi số, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo.

d) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm; gắn phân cấp, phân quyền với phân bổ nguồn lực, điều kiện thực hiện, trách nhiệm giải trình, kiểm tra, giám sát; giao cấp sát cơ sở, sát người dân nhất thực hiện những nhiệm vụ phù hợp.

đ) Tăng cường kiểm tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền; kịp thời xử lý hoặc kiến nghị xử lý những bất cập trong tổ chức và hoạt động của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Cải cách chế độ công vụ

Trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực, uy tín, chuyên nghiệp, trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu quản trị hiện đại và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; đổi mới quản lý nhân lực theo vị trí việc làm và kết quả đầu ra.

a) Triển khai đầy đủ, kịp thời các quy định của pháp luật và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về tuyển dụng, bố trí, sử dụng, quản lý, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện các cơ chế thu hút, trọng dụng người có tài theo quy định.

b) Hoàn thiện vị trí việc làm và khung năng lực; thực hiện bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức phù hợp vị trí việc làm, năng lực và yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị.

c) Đổi mới công tác tuyển dụng, sử dụng, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo hướng thực chất, dựa trên kết quả và sản phẩm công việc; nghiên cứu áp

dụng phương pháp đo lường kết quả, hiệu quả công việc (KPI) phù hợp với từng nhóm vị trí việc làm.

d) Đổi mới chương trình, tài liệu, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm và khung năng lực; tăng cường bồi dưỡng về cải cách hành chính, kỹ năng số, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, quản trị dữ liệu và kỹ năng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

đ) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở; thực hiện nghiêm Quy định số 07-QĐ/TU ngày 12/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về trách nhiệm và xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

e) Kịp thời sàng lọc, thay thế, xử lý theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức yếu kém, né tránh, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ; đồng thời khuyến khích, bảo vệ, biểu dương, khen thưởng cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung theo quy định.

5. Cải cách tài chính công

Trọng tâm là nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công; đổi mới cơ chế tài chính, nâng cao mức độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; sử dụng hiệu quả nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và cải cách hành chính.

a) Thực hiện hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính; tiếp tục hoàn thiện cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập gắn với đổi mới tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động.

b) Hoàn thiện danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công, làm cơ sở thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu theo quy định.

c) Đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công; nâng cao mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện theo lộ trình và quy định.

d) Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản công; kịp thời sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính, bảo đảm tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí.

đ) Thực hiện hiệu quả Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030 theo hướng tập trung, không dàn trải; nâng cao hiệu quả đầu tư và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công hằng năm.

e) Hoàn thiện cơ chế phân bổ ngân sách, phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

Trọng tâm là phát triển chính quyền số dựa trên dữ liệu; hoàn thiện hạ tầng, nền tảng số, cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin dùng chung; tăng cường kết nối,

chia sẻ, khai thác, tái sử dụng dữ liệu phục vụ quản trị, chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

a) Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, kiến trúc, tiêu chuẩn, quy chuẩn và các quy định phục vụ xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, bảo đảm đồng bộ với kiến trúc Chính phủ số và định hướng chuyển đổi số quốc gia.

b) Xây dựng, hoàn thiện và khai thác hiệu quả Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; chuẩn hóa, làm sạch, tích hợp, chia sẻ dữ liệu; phát triển dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở và nâng cao năng lực quản trị dữ liệu.

c) Tăng cường kết nối, tích hợp dữ liệu với Trung tâm IOC và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; phát triển các công cụ phân tích, giám sát, cảnh báo, hỗ trợ quản trị, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu.

d) Hoàn thiện các nền tảng, hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh và cấp xã; nâng cấp hệ thống quản lý, điều hành, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và các ứng dụng, tiện ích số phục vụ người dân, doanh nghiệp và hoạt động của cơ quan nhà nước.

đ) Đẩy mạnh số hóa, kết nối, chia sẻ, khai thác và tái sử dụng dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực; ưu tiên dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và quản lý nhà nước.

e) Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng số, Trung tâm dữ liệu tỉnh; tăng cường giám sát, phòng ngừa, phát hiện và xử lý các nguy cơ, sự cố; bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu.

g) Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các công nghệ mới trong quản lý, chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công; triển khai phù hợp với quy định, bảo đảm an toàn, bảo mật và hiệu quả.

h) Phát triển nguồn nhân lực, huy động và phát huy nguồn lực chuyên gia, nhà khoa học phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

i) Phấn đấu nâng cao Chỉ số chuyển đổi số (DTI), Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), góp phần đưa Khánh Hòa thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo.

Các nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm giai đoạn 2026-2030 được cụ thể hóa tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

(Đính kèm Phụ lục 2)

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và trách nhiệm người đứng đầu

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và Chủ tịch UBND cấp xã trực tiếp chỉ đạo việc thực hiện Kế hoạch trong phạm vi quản lý; xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên; phân công rõ trách nhiệm, thẩm quyền, thời hạn, sản phẩm và người chịu trách nhiệm. Định kỳ đưa nội dung cải cách hành chính vào chương trình công tác, hội nghị giao ban để kiểm điểm tiến độ và xử lý vướng mắc.

2. Nâng cao năng lực đội ngũ tham mưu cải cách hành chính

Bổ trí công chức, viên chức tham mưu cải cách hành chính phù hợp vị trí việc làm và khối lượng công việc; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng phân tích dữ liệu, xây dựng chính sách, kiểm soát thủ tục hành chính, quản trị số; duy trì mạng lưới đầu mối cải cách hành chính bảo đảm thông suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã.

3. Đổi mới theo dõi, đánh giá và đo lường kết quả

Hoàn thiện hệ thống theo dõi, đánh giá nhiệm vụ cải cách hành chính trên môi trường số; tăng cường sử dụng dữ liệu điện tử, giảm báo cáo thủ công; tiếp tục đổi mới phương pháp xác định Chỉ số cải cách hành chính, đo lường sự hài lòng; thường xuyên phân tích kết quả Chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI, PCI, DDCI, DTI, PII để xác định nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp cải thiện.

4. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương gắn với khuyến khích đổi mới sáng tạo

Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm công vụ; có cơ chế phát hiện, chấn chỉnh, xử lý kịp thời hành vi né tránh, đùn đẩy, gây phiền hà. Đồng thời tạo môi trường, điều kiện làm việc thuận lợi, khuyến khích sáng kiến, mô hình mới, giải pháp đột phá; lựa chọn, đánh giá và nhân rộng các mô hình cải cách hành chính hiệu quả.

5. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền và sự tham gia của người dân, doanh nghiệp

Đổi mới nội dung, hình thức truyền thông theo hướng đa nền tảng, trực quan, dễ tiếp cận, phù hợp từng nhóm đối tượng; tăng cường đối thoại, khảo sát, tiếp nhận phản hồi của người dân, doanh nghiệp; công khai kết quả cải cách, tiến độ xử lý phản ánh, kiến nghị và chất lượng phục vụ để tăng tính minh bạch, trách nhiệm giải trình.

6. Bảo đảm nguồn lực và huy động nguồn lực hợp pháp

Ưu tiên bố trí nguồn lực phù hợp cho các nhiệm vụ, đề án, dự án cải cách hành chính trọng tâm, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ; lồng ghép với chương trình, đề án, dự án có cùng mục tiêu; tranh thủ nguồn hỗ trợ từ Trung ương và huy động các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách theo quy định.

7. Tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý trách nhiệm

Xây dựng kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính hằng năm theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các lĩnh vực có nhiều hồ sơ, nhiều phản ánh hoặc kết quả đánh giá còn thấp; kết hợp kiểm tra định kỳ, đột xuất và theo dõi trên hệ thống số; đôn đốc khắc phục sau kiểm tra, làm rõ trách nhiệm và xử lý theo quy định.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, nguồn kinh phí của các chương trình, đề án, dự án có liên quan và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã căn cứ nhiệm vụ được giao, chủ động lập dự toán kinh phí thực hiện trong dự toán ngân sách hằng năm, gửi cơ quan tài

chính cùng cấp tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Đối với các đề án, dự án, nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm do UBND tỉnh quyết định, kinh phí thực hiện được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định; bảo đảm gắn kinh phí với nhiệm vụ, sản phẩm đầu ra và hiệu quả thực hiện.

4. Khuyến khích huy động, lồng ghép các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ, đề án, dự án cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh

a) Căn cứ Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch cải cách hành chính hằng năm; cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, sản phẩm, tiến độ và trách nhiệm thực hiện; chủ động bố trí nguồn lực, tổ chức triển khai, kiểm tra và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện.

b) Rà soát, đề xuất các đề án, dự án, nhiệm vụ cải cách hành chính; phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm không trùng lặp với nhiệm vụ chuyên môn thường xuyên, ưu tiên nhiệm vụ có giá trị cải cách và tác động thực chất.

c) Bố trí nguồn lực, lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định; quản lý, sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả.

d) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất theo hướng dẫn của Sở Nội vụ; cập nhật đầy đủ tiến độ, kết quả, sản phẩm và số liệu trên các hệ thống theo dõi, báo cáo được tỉnh triển khai.

đ) Chủ động phát hiện, đề xuất xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; tăng cường đối thoại, tiếp nhận phản hồi của người dân, doanh nghiệp; kịp thời khắc phục hạn chế qua kiểm tra, đánh giá, khảo sát sự hài lòng và các chỉ số liên quan.

2. Sở Nội vụ

a) Là cơ quan thường trực cải cách hành chính tỉnh, chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện Kế hoạch; tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả CCHC.

b) Chủ trì, phối hợp triển khai các nội dung cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, cải cách chế độ công vụ; theo dõi các nhiệm vụ liên quan đến trách nhiệm người đứng đầu, kỷ luật, kỷ cương hành chính theo chức năng, nhiệm vụ.

c) Hướng dẫn xây dựng kế hoạch cải cách hành chính hằng năm; theo dõi, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện; tham mưu báo cáo định kỳ, đột xuất của UBND tỉnh gửi Chính phủ, Bộ Nội vụ và cơ quan có thẩm quyền.

d) Chủ trì xây dựng, triển khai phương pháp theo dõi, đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương; chủ trì đo

lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập theo phân công.

đ) Chủ trì theo dõi, tham mưu các giải pháp cải thiện PAR Index, SIPAS, PAPI theo chức năng; phối hợp các cơ quan chủ trì các Chỉ số PCI, DDCI, DTI, PII để tổng hợp, đánh giá tác động của cải cách hành chính.

e) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ tham mưu cải cách hành chính; chủ trì công tác thông tin, tuyên truyền, phát hiện, đánh giá, nhân rộng sáng kiến, mô hình cải cách hành chính hiệu quả.

g) Phối hợp Sở Tài chính tổng hợp, thẩm định nhu cầu kinh phí đối với các đề án, dự án, nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm theo quy định.

h) Tham mưu sơ kết giữa kỳ khi cần thiết; tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2026-2030 và đề xuất định hướng giai đoạn tiếp theo.

3. Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu triển khai nội dung cải cách thể chế; nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

b) Chủ trì theo dõi tình hình thi hành pháp luật; tổng hợp khó khăn, vướng mắc pháp lý, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý; hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, địa phương thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế theo Kế hoạch.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì tham mưu, triển khai nội dung cải cách thủ tục hành chính; kiểm soát thủ tục hành chính, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định.

b) Phối hợp Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan quản lý, vận hành hiệu quả hệ thống phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công; theo dõi tiến độ, chất lượng giải quyết hồ sơ, tỷ lệ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa và tái sử dụng dữ liệu.

c) Tổng hợp, theo dõi việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, thủ tục hành chính; tham mưu giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì tham mưu, triển khai nội dung xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; phát triển hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số, kết nối, chia sẻ dữ liệu, quản trị dữ liệu và dữ liệu mở.

b) Chủ trì xây dựng, vận hành Kho dữ liệu dùng chung, Trung tâm dữ liệu, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, IOC và các hệ thống thông tin dùng chung theo phân công; chủ trì bảo đảm an toàn thông tin đối với hạ tầng, nền tảng và hệ thống được giao quản lý; phối hợp Công an tỉnh bảo đảm an ninh mạng theo quy định.

c) Chủ trì hoặc phối hợp triển khai đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, ứng dụng công nghệ, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo cho cán bộ, công chức, viên chức; hướng dẫn các cơ quan triển khai ứng dụng AI có kiểm soát, an toàn, hiệu quả.

d) Chủ trì theo dõi, tham mưu giải pháp nâng cao DTI, PII; định kỳ cung cấp kết quả, số liệu liên quan cho Sở Nội vụ để tổng hợp, đánh giá kết quả cải cách hành chính của tỉnh.

đ) Chủ trì triển khai, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia tại các cơ quan hành chính nhà nước theo quy định và kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt.

6. Sở Tài chính

a) Chủ trì tham mưu, triển khai nội dung cải cách tài chính công; hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ, quản lý ngân sách, tài sản công, dịch vụ sự nghiệp công, đầu tư công theo quy định.

b) Chủ trì tham mưu các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số PCI và DDCI theo phân công; phối hợp Sở Tư pháp và các cơ quan rà soát cơ chế, chính sách có tác động đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

c) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tiến độ giải ngân vốn đầu tư công; tham mưu xử lý, sắp xếp tài sản công sau sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính.

d) Hướng dẫn lập dự toán, tổng hợp, cân đối và trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo phân cấp ngân sách và quy định hiện hành.

7. Công an tỉnh

Phối hợp Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan khai thác dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công; chủ trì thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án 06 theo phân công; chủ trì vận hành hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC), phòng, chống mã độc tập trung, giám sát, cảnh báo, ứng cứu sự cố và kết nối hệ thống giám sát cấp quốc gia; chủ trì bảo đảm an ninh mạng theo chức năng, nhiệm vụ.

8. Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục; theo dõi, phân tích mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công, giáo dục công lập; phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan thực hiện mục tiêu hài lòng đã xác định tại Kế hoạch.

9. Báo và Phát thanh, Truyền hình Khánh Hòa

Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính; duy trì, đổi mới và nâng cao chất lượng các chuyên trang, chuyên mục, chương trình về cải cách hành chính phù hợp với từng loại hình báo chí và nhóm đối tượng.

Tăng cường tuyên truyền chủ trương, chính sách, nhiệm vụ, kết quả và những chuyển biến tích cực trong cải cách hành chính; chú trọng các nội dung về cải cách

thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, chuyển đổi số, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; kịp thời giới thiệu, lan tỏa các mô hình, sáng kiến, cách làm hay, điển hình tiên tiến và phản ánh những tồn tại, hạn chế cần khắc phục.

Phát huy vai trò của cơ quan báo chí trong việc tiếp nhận, phản ánh ý kiến, kiến nghị của người dân, tổ chức, doanh nghiệp về cải cách hành chính; chuyên thông tin đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định, góp phần tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của cơ quan hành chính nhà nước.

10. Đề nghị các cấp ủy Đảng, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức có liên quan

Phối hợp với chính quyền các cấp tuyên truyền, vận động và tạo sự đồng thuận trong triển khai cải cách hành chính; phát huy vai trò của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân trong tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường giám sát, phản biện xã hội, nắm bắt, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của Nhân dân, tổ chức và doanh nghiệp về hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và chất lượng cung ứng dịch vụ công; phối hợp phản ánh, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và hiệu quả cải cách hành chính.

11. Chế độ theo dõi, báo cáo

Các cơ quan, đơn vị, địa phương định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện theo chế độ báo cáo cải cách hành chính hiện hành và yêu cầu của UBND tỉnh, Sở Nội vụ; trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, tổng hợp, theo dõi và tham mưu điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ khi có thay đổi lớn về chủ trương, pháp luật hoặc yêu cầu thực tiễn, bảo đảm không làm thay đổi mục tiêu tổng thể của Kế hoạch nếu chưa được cấp có thẩm quyền quyết định./.